

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô ☐ [02] Condensate ☐ [03] Khí thiên nhiên ☐

[04] Kỳ tính thuế: năm

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ ☐

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế:.....

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Tên tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế (nếu có).....

[11] Mã số thuế:

[12] Hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế: Số..... [13] ngày ... tháng ... năm

ST T	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[14]	Ngày	
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[15]	Thùng; m ³	
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[16]	Thùng; m ³	
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [17]=[17a]+[17b]	[17]	Thùng; m ³	
3.1	- Xuất khẩu	[17a]	Thùng; m ³	
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[17b]	Thùng; m ³	
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [18]=[15]+[16]-[17]	[18]	Thùng; m ³	
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [19]=[16]/[14]	[19]	Thùng; m ³	
III	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[20]	USD	

IV	Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế	[21]	%	
V	Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí			
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển sang	[22]	Thùng; m ³	
2	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế [23]=[16]x[21]	[23]	Thùng; m ³	
3	Thuế tài nguyên bằng dầu khí bán trong kỳ tính thuế [24]= [22]+([17]-[15]) x [21]	[24]	Thùng; m ³	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán chuyển sang kỳ tính thuế sau [25]=[22]+[23]-[24]	[25]	Thùng; m ³	
VI	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[20]/[17]	[26]	(USD)/ (thùng; m ³)	
VII	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [27]=[28]+[29]	[27]	USD	
1	Số tiền thuế tài nguyên kỳ trước chuyển sang [28]=[22]x[26]	[28]	USD	
2	Số tiền thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế [29]=([24]-[22])x[26]	[29]	USD	
VII I	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[30]	USD	
IX	Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [31]=[27]-[30]	[31]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

**NGƯỜI TRỰC TIẾP THỰC HIỆN
DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ**

Họ và tên:.....
Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về
thuế số:.....

.....,ngày..... tháng..... năm.....
**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP
PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.